

Số: /QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023 theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022 - 2025 và mẫu biểu báo cáo; Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH;

Theo đề nghị của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 74/TTr-SLĐTBXH ngày 29/11/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát, xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023 của tỉnh Hà Tĩnh theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025, như sau:

1. Tổng số hộ nghèo: 11.572 hộ, chiếm tỷ lệ 3.01% tổng số dân cư. Tổng số nhân khẩu thuộc hộ nghèo: 23.872 người.

2. Tổng số hộ cận nghèo: 12.947 hộ, chiếm tỷ lệ 3.37% tổng số dân cư. Tổng số nhân khẩu thuộc hộ cận nghèo: 38.722 người.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ LĐ-TB&XH;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP Trần Tuấn Nghĩa;
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, VX₂.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ngọc Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC

**Kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2023
theo chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2022 - 2025**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2024 của UBND tỉnh)

TT	Huyện, thành phố, thị xã	Tổng số hộ dân cư (tại thời điểm rà soát)		Kết quả rà soát chính thức					
		Số hộ	Nhân khẩu	Hộ nghèo			Hộ cận nghèo		
				Số hộ	Nhân khẩu	Tỷ lệ %	Số hộ	Nhân khẩu	Tỷ lệ %
1	TP Hà Tĩnh	30.881	110.399	377	943	1.22	549	1.829	1.78
2	Nghi Xuân	29.283	105.167	641	1.143	2.19	784	2.422	2.68
3	Hồng Lĩnh	11.832	39.521	237	629	2.00	307	989	2.59
4	Can Lộc	37.974	129.650	939	2.502	2.47	1.153	4.397	3.04
5	TX. Kỳ Anh	25.209	89.474	556	943	2.21	989	2.453	3.92
6	Đức Thọ	31.595	99.782	963	2.142	3.05	993	2.983	3.14
7	Thạch Hà	39.903	144.350	1.314	2.806	3.29	1.418	4.581	3.55
8	Cẩm Xuyên	43.906	149.698	1.231	2.634	2.80	1.367	4.051	3.11
9	Hương Sơn	35.022	111.298	1.178	2.162	3.36	1.359	3.900	3.88
10	Vũ Quang	8.976	28.190	391	697	4.36	432	1.095	4.81
11	Hương Khê	30.729	97.379	1.119	2.095	3.64	1.133	3.150	3.69
12	H. Kỳ Anh	35.938	124.798	1.567	2.329	4.36	1.551	3.535	4.32
13	Lộc Hà	22.935	82.562	1.059	2.847	4.62	912	3.337	3.98
	Tổng cộng	384.183	1.312.268	11.572	23.872	3.01	12.947	38.722	3.37